

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2020/DS-PT
Ngày: 14/01/2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H (8 H), sinh năm 1961; Nơi cư trú: Tổ 02, ấp A H, xã Kh A, huyện A Ph, tỉnh A G.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 68, đường Cầu Cồn Tiên, khóm 3, phường Ch Ph A, thành phố Ch Đ, tỉnh A G.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hồng H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969. Cùng nơi cư trú: Tổ 06, ấp A Kh, xã Kh A, huyện A Ph, tỉnh A G

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà H trình bày: Trước đây do quen biết nên ông H, bà Th có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ, cụ thể:

Dây hụi 20.000.000 đồng khui vào ngày 10/5/2015AL, bà Th và ông H tham gia 01 chân, tổng số hụi viên là 22 thành viên, thời hạn khui là vào ngày 10 âm lịch hàng tháng. Hụi khui đến lần thứ 4 thì bà Th, ông H hốt nhưng chỉ châu đến ngày 10/8/2016 thì ngưng, còn nợ lại 07 phần hụi chết với tổng số tiền 140.000.000 đồng.

Dây hụi 20.000.000 đồng khui vào ngày 20/01/2016, bà Th và ông H tham gia 01 chân, tổng số hụi viên là 22 thành viên, thời hạn khui là vào ngày 20 âm lịch hàng tháng. Hụi khui đến lần thứ 4 thì bà Th, ông H hốt hụi nhưng chỉ châu hụi đến ngày 20/6/2016 thì ngưng, còn nợ lại 16 phần hụi chết với tổng số tiền 320.000.000 đồng.

Do bà Th bỏ địa phương, bà có đến gặp ông H yêu cầu trả thì ông H thừa nhận nhưng xin bán xong tài sản sẽ trả nợ. Hiện nay bà Th đã về nhà nhưng không trả nợ, khi bà đến đòi thì ông H vẫn thừa nhận nhưng không chịu trả. Nay bà yêu cầu ông H và bà Th phải trả cho bà tổng số tiền 02 dây hụi là 460.000.000 đồng.

Bị đơn là ông H, bà Th có bản tự khai đề ngày 11/9/2018 trình bày: Trước đây bà H đã khởi kiện ông bà về tranh chấp hợp đồng góp hụi, Tòa án đã nhiều lần đối chất, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử nhưng đến nay ông bà chưa nhận được bản án hay quyết định nào của Tòa án. Ông bà có ý kiến như sau: Khẳng định không có chơi hụi với bà Lê Thị H (8 H), không có bỏ thăm hay nhận tiền hụi của bà H. Việc các nhân chứng khai ông bà có chơi hụi, hốt hụi và bỏ địa phương là gian dối. Ông bà không tham gia các phiên đối chất vì cảm thấy không cần thiết chứ không né tránh bởi vì không có tham gia chơi hụi với những người này và có ý kiến về chứng cứ là đoạn ghi âm trong USB do bà H cung cấp là có thể bà H lấy giọng nói của ông bà khi hỏi việc mua nhà, đất của vợ chồng ông, hỏi giá bán... ngụy tạo thành chứng cứ này.

Tòa án đã mở phiên hòa giải để các đương sự thương lượng tìm biện pháp giải quyết nhưng do ông H, bà Th có đơn xin không tham gia nên không thể tiến hành hòa giải được. Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên họp tiếp cận, giao nộp và công khai chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản yêu cầu ông H, bà Th cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc không tham gia chơi hụi với bà H. Tại bản trình bày ý kiến ngày 03/10/2018 ông H, bà Th không cung cấp chứng cứ, cho rằng các chứng cứ bà Hạnh nộp kèm theo đơn khởi kiện là vô lý vì những chứng cứ này là của hồ sơ vụ án khác đang do Tòa án thụ lý giải quyết nhưng chưa có bản án, quyết định. Ông bà cũng từ chối tham gia đối chất vì không có gì cần đối chất, chứng cứ mới thì bà H không gửi cho ông bà biết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/9/2018 bà H yêu cầu ông H, bà Th cùng có nghĩa vụ trả cho bà khoản nợ hụi là 460.000.000 đồng và tính lãi trên số tiền hụi mà bà đã trả giùm vợ chồng bà Th kể từ thời điểm góp hụi thay cho đến khi mãn hụi theo lãi suất do pháp luật quy định. Tuy nhiên, tại biên bản về việc không đối chất được ngày 31/10/2018 bà H không yêu cầu xem xét lãi, chỉ yêu cầu vợ chồng ông H trả số tiền vốn là 460.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2018, những người làm chứng như Phạm Thị Ly, Nguyễn Thị Hương và Nguyễn Thị Đơn khai:

- Bà Ly cho biết: Bà có tham gia hội do bà 8 H làm chủ. Do hội lớn nên người chơi đều biết mặt nhau vì đều là dân làm ăn và bà cũng biết bà Th do nhà bà cách nhà bà Th khoảng 300m. Bà Th có tham gia chơi và hốt hội ở kỳ thứ 4 cả 02 dây hội, lấy tên là “H ph I” do chồng bà có vừa phế liệu ở Kh A, sau đó không gặp mặt bà Th nữa nên không biết bà Th có châu hội đầy đủ hay không. Riêng phần bà thì đã hốt hội ở kỳ khai hội ngày 10/3/2016 AL đối với hội khởi sự ngày 10/5/2015AL và ở kỳ khai hội ngày 20/01/2017AL đối với hội khởi sự ngày 20/01/2016 AL.

- Bà Đơn cho biết: Bà có tham gia chơi hội với bà 8 H. Ở dây hội ngày 10/5/2015AL bà tham gia 02 phần, ở dây hội ngày 20/01/2016AL bà tham gia 01 phần. Cả 02 dây hội này bà đều thấy bà Th ở các kỳ khai hội nhưng đến kỳ khai hội thứ 4, sau khi bà Th hốt hội thì các lần sau không gặp bà nữa và cũng không biết bà Th có châu hội đủ không. Riêng phần hội của bà ở dây hội ngày 10/5/2015AL bà hốt ở kỳ khai ngày 10/12/2015AL và 10/6/2016AL, phần hội ở dây hội ngày 20/01/2016AL bà đã hốt ở kỳ khai ngày 20/12/2016AL.

- Bà Hương cho biết: Bà tham gia hội của bà 8 H ở dây hội khởi sự ngày 10/5/2015AL, trong danh sách ghi tên là “5 Tạo” và hốt hội ngày 10/10/2015AL. Bà Th có tham gia dây hội này, tên là “H ph I”. Bà chỉ gặp bà Th ở vài lần khai hội đầu, những lần sau bà không đi mà bỏ hội qua điện thoại nên không biết bà Th hốt hội lúc nào, có châu hội đầy đủ không. Bà hốt hội sau bà Út Huệ và châu hội đầy đủ, bà 8 H cũng giao đủ tiền hội.

Để làm rõ bà Th có hay không tham gia các dây hội do bà H làm chủ, Tòa án đã xác minh đối với những người có tên trong danh sách hội mà bà H cung cấp và được những người như:

- Bà Nguyễn Thị Mai cho biết: Bà có tham gia dây hội khởi sự ngày 20/01/2016 AL do bà 8 H làm chủ, bà tham gia 02 phần lấy tên “Dì Mến”. Những người có tên trong danh sách hội bà biết vì đa số sống ở Kh A, L B và bà Th có tham gia 01 chân hội. Về cách thức bỏ hội thì thực hiện tại nhà bà H, cũng có hội viên bỏ thăm qua điện thoại. Khi có người hốt hội thì bà 8 H cho hay và ghi giấy đưa lại cho các hội viên còn sống số tiền phải châu. Việc giao tiền cho hội viên đã hốt có khi giao tại nhà bà H, có khi bà H tới nhà giao tiền nhưng không có làm biên nhận. Dây hội này bà Th lấy tên là “dì H ph I” và hốt hội ở kỳ khai ngày 20/4/2016 AL, bỏ hội 3.250.000 đồng nhưng việc có châu lại không thì không rành.

- Ông Huỳnh Văn Cón cho biết: Ông có tham gia hội ngày 20/01/2016 AL do bà 8 H làm chủ, lấy tên “Nga Col”. Dây hội này bà Th tham gia 01 phần, lấy tên “dì H ph I” và đã hốt hội ở kỳ khai ngày 20/4/2016 AL, nhưng sau đó có châu hội lại không thì ông không biết. Việc khai hội, bỏ hội thực hiện tại nhà bà H nhưng cũng có người bận việc nên bỏ thăm hội bằng điện thoại. Đối với hội viên còn sống, sau khi có người hốt hội thì bà 8 H thông báo số tiền phải châu

còn lại, tên người đã hốt hui. Tiền hui thì trực tiếp bà H mang lên nhà hoặc đến nhà bà H nhận nhưng không có làm biên nhận.

- Ông Trương Văn Nghĩa cho biết: Ông có tham gia dây hui ngày 20/01/2016 AL do bà H làm chủ, phần hui này bà Th có tham gia chơi lấy tên “đi H ph 1”. Ông cũng cho biết những người có tên trong danh sách hui ông đều biết mặt vì có chỗ ở tại Kh A, L B. Việc bỏ thăm hui đều thực hiện tại nhà bà H với sự có mặt của hui viên, cũng có người do bận việc thì bỏ thăm qua điện thoại. Người hốt hui được bà H giao tiền tại nhà bà nhưng chỉ giao qua tay không làm giấy tờ vì đây là hui lớn, lấy uy tín là trên hết. Hui này bà Th đã hốt xong nhưng châu lại chưa thì không biết, riêng ông đã hốt xong phần mình.

- Bà Nguyễn Thị Thu cho biết: Bà có tham gia chơi hui với bà H. Dây hui ngày 10/5/2015 AL bà tham gia 01 phần, lấy tên “đi Sậy” và đã hốt hui xong. Những người có tên trong danh sách hui mà bà H cung cấp bà biết do đa số sống tại Khánh An, Long Bình. Hui này bà Th có tham gia 01 phần, lấy tên là “đi H ph 1” và đã hốt hui rồi. Việc giao tiền hui là bà H giao qua tay, không có làm giấy tờ và có khi thì giao tại nhà bà H, có khi bà đem lên nhà người đã hốt hui.

- Bà Ngô Thị Thanh Tuyền cho biết: Bà là hui viên tham gia dây hui ngày 20/01/2016AL do bà H làm chủ, lấy tên “Tur Muôl”. Những người tham gia hui bà đều biết mặt do sinh sống tại Khánh An, Long Bình. Hui này bà Th có tham gia 01 phần, lấy tên “đi H ph 1” và đã hốt hui ngày 20/4/2016AL với số tiền bỏ thăm hui là 3.250.000 đồng. Bà là người hốt hui kế tiếp bà Th nhưng việc bà Th châu hui đủ không thì không rành. Việc bỏ thăm hui thực hiện ở nhà bà H, các hui viên gom lại nhà bà H bỏ thăm trực tiếp, cũng có người bỏ qua điện thoại và việc giao tiền hui cho người hốt thì chỉ có chủ hui biết.

- Bà Nguyễn Thị Huệ cho biết: Bà có tham gia 02 dây hui do bà H làm chủ gồm hui khởi sự ngày 10/5/2015 AL và hui khởi sự ngày 20/01/2016AL, mỗi dây 20.000.000 đồng. Vì là hui lớn nên bà biết mặt những hui viên. Khi bỏ thăm hui thì thực hiện tại nhà bà H, cũng có người bỏ thăm qua điện thoại và bà H có thông báo người đã hốt hui. Tiền hui đều do bà H giao qua tay, không có biên nhận vì đây là hui lớn, lấy uy tín là trên hết không ai nói ngược. Bà có biết ông H, bà Th vì cùng ở khu vực xã Khánh An, bà Thuý có tham gia cả 02 dây hui mà bà H làm chủ, mỗi dây hui tham gia 01 phần và đã hốt hết cả 02. Việc bà Th không châu hui thì bà H có la lên cho các hui viên biết.

- Ông Lê Văn Bảo Nhựt cho biết: Ông có tham gia chơi hui đôi với dây hui khởi sự ngày 20/01/2016AL do bà H làm chủ, tham gia 02 phần tên là “Anh Nhật”. Ông biết mặt những hui viên trong danh sách hui mà bà H cung cấp do đa số sống ở Long Bình, Khánh An và thường xuyên gặp mặt. Hui này bà Th tham gia 01 phần, lấy tên là “đi H ph 1” và đã hốt hui xong còn việc châu hui lại thì không biết.

- Bà Nguyễn Thị Sậy cho biết: Bà tham gia cả 02 dây hui gồm hui 20.000.000 đồng khởi sự ngày 10/5/2015AL và hui khởi sự ngày 20/01/2016AL, mỗi dây hui bà tham gia 02 phần, lấy tên “vợ Phụng”. Bà cho biết những người có tên trong danh sách hui mà bà H cung cấp bà có biết mặt, trong đó phần bà

Th là có tham gia cả 02 dây hụi, lấy tên “dì H ph l”. Việc bỏ hụi, giao tiền hụi thực hiện tại nhà bà H, ai hốt hụi với số tiền bao nhiêu thì bà H đều thông báo cho hay còn tiền hụi thì bà H trực tiếp giao, không có làm biên nhận gì. Cả 02 dây hụi này bà Th đã hốt nhưng không nhớ ngày cụ thể còn việc châu hụi chưa thì chỉ bà Th với bà H biết.

Tại phiên toà:

Ông Châu trình bày: Qua các tài liệu, chứng cứ mà bà H đã giao nộp cho Toà án nay xin rút lại chứng cứ là đoạn băng ghi âm cuộc nói chuyện mà bà H khai là giữa bà với ông H. Ngoài ra căn cứ vào lời trình bày của những người từng tham gia chơi hụi cói bà H thì có căn cứ xác định bà Th có tham gia 02 dây hụi do bà H làm chủ và do bà Th, ông H không cung cấp chứng cứ việc mình không tham gia hụi cũng như việc có trả tiền hụi đầy đủ hay không nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A Ph tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hạ.

Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 460.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2019 đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Châu có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên đới trả bà Lê Thị H số tiền hụi 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu chục triệu đồng).

Ngày 20/5/2019 bị đơn ông Võ Hồng H, bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Châu vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên đới trả bà Lê Thị H số tiền hụi 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu chục triệu đồng), không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Bên cạnh đó ông Châu còn yêu cầu giám định giọng nói và giám định chữ viết để chứng minh cho phần trình bày của mình.

Bị đơn ông Võ Hồng H, bà Nguyễn Thị Th có bà Nguyễn Minh Lệ là đại diện giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th không tham gia chơi hụi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H sửa bản án dân sự sơ thẩm buộc ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền hui 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu chục triệu đồng) . Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của luật sư, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc Ch, bà Nguyễn Thị Th, ông Võ Hồng H kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ch, bà Th và ông H thấy rằng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Hồng H phải trả cho bà tổng số tiền 02 dây hui là 460.000.000 đồng với chứng cứ là 02 danh sách hui viên, trong đó phần ghi tên “H ph l” theo lời bà H chính là bà Th. Ngoài ra bà H còn cung cấp thêm các chứng cứ là lời khai của của các bà Ly, Don, Hương, Thuý và 01 USB bà H cho là ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà với ông Võ Hồng H và ông H có hỏi bà về số tiền nợ của bà Th. Tuy nhiên, các chứng này không có chứng cứ nào có thể chứng minh được việc ông H, bà Th còn thiếu bà H 460.000.000 đồng tiền hui.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, cấp sơ thẩm có tiến hành thu thập thêm chứng cứ là lời khai của những người làm chứng như Phạm Thị Ly, Nguyễn Thị Hương và Nguyễn Thị Don, Nguyễn Thị Mai, Huỳnh Văn Cón, Trương Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Thu, Ngô Thị Thanh Tuyền, Nguyễn Thị Huệ, Lê Văn Bảo Nhựt và Nguyễn Thị Sậy. Những người này đều cho rằng có biết những người có tên trong danh sách hui mà bà H cung cấp và có biết mặt, trong đó phần bà Th là có tham gia cả 02 dây hui, lấy tên “di H ph l”. Việc bỏ hui, giao tiền hui thực hiện tại nhà bà H, ai hốt hui với số tiền bao nhiêu thì bà H đều thông báo cho hay còn tiền hui thì bà H trực tiếp giao, không có làm biên nhận gì. Cả 02 dây hui này bà Th đã hốt nhưng không nhớ ngày cụ thể còn việc châu hui chưa thì chỉ bà Th với bà H biết. Từ đó chỉ có thể xác định được việc bà Th có chơi hui của bà H còn việc bà H có giao hui cho bà Th không, giao bao nhiêu tiền và việc bà Th có góp hui chết cho bà H không thì những người này đều không biết. Như vậy, nếu căn cứ vào lời khai của những người làm chứng thì có thể xác định được việc ông H, bà Th có chơi hui nhưng không thể chứng minh được số tiền hui là bao nhiêu.

Bị đơn ông H, bà Th có ý kiến khẳng định không có chơi hui với bà Lê Thị H (8 H), không có bỏ thăm hay nhận tiền hui của bà H. Việc các nhân chứng khai ông bà có chơi hui, hốt hui và bỏ địa phương là gian dối. Ông bà không tham gia các phiên đối chất vì cảm thấy không cần thiết chứ không né tránh bởi vì không có tham gia chơi hui với những người này và có ý kiến về chứng cứ là đoạn ghi âm trong USB do bà H cung cấp là có thể bà H lấy giọng nói của ông

bà khi hỏi việc mua nhà, đất của vợ chồng ông, hỏi giá bán...ngụy tạo thành chứng cứ này.

Nguyên đơn bà H cho rằng ông H, bà Th còn nợ bà số tiền 460.000.000 đồng tiền hui chết và yêu cầu trả số tiền trên, nhưng ông H, bà Th không thừa nhận có tham gia chơi hui của bà H. Do bị đơn không thừa nhận có tham gia chơi hui và nợ tiền hui nên bà H là nguyên đơn phải cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Việc cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của người làm chứng mà xác định ông H, bà Th nợ hui bà H số tiền 460.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở vì theo lời khai thì họ chỉ biết bà Th có tham gia chơi hui có hót hui nhưng không nhớ ngày cụ thể, không biết số tiền bao nhiêu, việc giao hui thế nào, châu hui chết chưa họ cũng không biết. Trong vụ kiện này, nguyên đơn không chứng minh được việc bị đơn nợ tiền hui là bao nhiêu mà cấp sơ thẩm lại yêu cầu bị đơn phải chứng minh được việc không chơi hui và không nợ hui là chưa phù hợp. Bởi nếu nguyên đơn có chứng cứ chứng minh việc đã giao cho bị đơn số tiền hui và bị đơn còn nợ 460.000.000 đồng (ví dụ như biên nhận giao hui) mà bị đơn không thừa nhận thì cấp sơ thẩm mới yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh mình không có nợ tiền hui.

Tại cấp phúc thẩm ông Ch là đại diện cho bà H có yêu cầu giám định giọng nói của ông H và giám định chữ viết. Tuy nhiên, sau khi tòa án thông báo cho ông Ch nộp tạm ứng chi phí giám định nhưng đến nay ông Ch vẫn không nộp coi như ông Ch từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

Bà Lê Thị H kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số

67/2019/DS-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu ông Võ Hồng H và bà Nguyễn Thị Th liên đới trả số tiền hụi 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu chục triệu đồng)

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 22.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 11.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009247 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà Hạnh phải nộp thêm 11.200.000 đồng

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011293 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011449 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Võ Hồng H được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011312 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Ngọc Phỉ Hoàng Ngọc Linh

Trần Minh Hải